

Chính sách văn hóa của chính quyền Việt Nam Cộng Hòa đối với các dân tộc thiểu số Tây Nguyên (1954-1975)

- **Nguyễn Văn Tiệp**

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT:

Do vị trí chiến lược quan trọng về chính trị và quân sự của Tây Nguyên, trải qua hai thời kỳ Đệ Nhất Cộng Hòa và Đệ Nhị Cộng Hòa, chính quyền VNCH đã ban bố và thực thi chính sách dân tộc đối với các dân tộc thiểu số Tây Nguyên. Trong chính sách dân tộc nói chung, chính quyền VNCH đã coi trọng chính sách văn hóa. Nội dung của chính sách và việc thực thi nó cũng khác nhau trong hai thời kỳ. Thời

kỳ Đệ Nhất Cộng Hòa là chính sách đồng hóa, khác với Đệ Nhị Cộng Hòa là chính sách tôn trọng văn hóa các dân tộc thiểu số với quan điểm “thống nhất trong dị biệt” coi trọng giá trị và bản sắc văn hóa của các dân tộc. Chính sách này đã tác động không nhỏ đến đời sống sinh hoạt văn hóa của các dân tộc thiểu số, để lại một số bài học kinh nghiệm cho việc phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số hiện nay.

Từ khóa: Đệ Nhất Cộng Hòa, Đệ Nhị Cộng Hòa, chính sách văn hóa, Ngô Đình Diệm, Nguyễn Văn Thiệu

Dẫn nhập

Tây Nguyên là một địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng về mặt chính trị và quốc phòng không chỉ đối với Việt Nam mà cả ba nước Đông Dương, nơi có hơn 20 dân tộc thiểu số cư trú. Vì vậy trong suốt hai thập kỷ, chính quyền Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) đã ban hành chính sách Thượng vụ nói chung trong đó có chính sách văn hóa nói riêng. Việc ban hành chính sách văn hóa này có khác nhau trong hai thời kỳ và có tác động nhiều mặt đến đời sống văn hóa các dân tộc thiểu số trong thời gian này và để lại hậu quả mãi cho đến sau này.

1. Chính sách văn hóa thời Đệ Nhất Cộng Hòa (1954-1963)

Chính sách Thượng vụ của chính quyền Ngô Đình Diệm trong thời kỳ Đệ Nhất Cộng Hòa thể hiện công khai chính sách *Dân tộc hóa* trên tất cả các phương diện: chính trị, kinh tế, văn hóa-xã hội

nhằm đưa các dân tộc thiểu số hòa nhập vào cộng đồng quốc gia dưới sự quản lý thống nhất của chính quyền Trung ương. Về văn hóa, chính quyền Ngô Đình Diệm thực hiện *chính sách đồng hóa văn hóa dưới hình thức Kinh hóa*. Chính sách đó thể hiện qua văn bản: Phiếu tóm trình của ông Giám đốc Nha công tác xã hội miền Thượng “Kế hoạch đồng hóa Kinh Thượng” với mục đích nêu rõ:

- *Giúp công cuộc cải tiến dân sinh Thượng nhanh chóng đạt kết quả*
 - *Tiến tới chỗ xóa bỏ sự phân biệt Kinh Thượng*
 - *Chủ trương Kinh Thượng bình đẳng và đoàn kết*
 - *Chủ trương đồng tiến xã hội của chính phủ*
- Kế hoạch này cũng đề ra ba mục tiêu và phương thức thực hiện:

1/ Đồng hóa ngôn ngữ

- Thống nhất, phát triển, hướng dẫn và kiểm soát việc giáo dục và dùng chuyển ngữ tại các vùng Thượng.

- Chỉ thị các trường tư thục do các giáo sĩ thành lập bỏ dần việc dạy chữ Thượng và theo đúng chương trình dạy bằng chữ quốc ngữ do Bộ Quốc gia giáo dục ấn định.

- Khuyến khích và phát động phong trào học tiếng Thượng trong các giới chức và cán bộ phục vụ tại vùng Thượng.

- Phát động, thúc đẩy phong trào học tiếng Kinh trong các giới chức, quân nhân và cán bộ Thượng.

- Soạn thảo các loại sách sơ cấp, trung cấp và phổ thông cho đồng bào Thượng biết đọc, biết viết quốc ngữ.

- Vận động khuyến khích việc đổi tên thôn, xóm, xã, tổng và tính danh người.

2/ Đồng hóa sinh hoạt

- Mở mang đường sá giao thông từ các thị trấn đến các buôn, xã Thượng.

- Khuyến khích và tạo hoàn cảnh để đồng bào Kinh Thượng có nhiều dịp gặp gỡ nhau (thăm viếng, trao đổi văn hóa, thể thao, v.v...).

- Khuyến khích các gia đình Kinh đến lập nghiệp tại các làng Thượng.

- Định cư làng Kinh xen kẽ làng Thượng.

- Lập những khu dinh điền hỗn hợp Kinh Thượng.

- Khuyến khích và giúp đỡ đồng bào Thượng về sinh cơ lập nghiệp tại các vùng đồng bằng và thị trấn.

- Phân tán các công chức và quân nhân Thượng đi phục vụ ở các vùng đồng bằng.

- Khuyến khích và giúp đỡ hoạt động các nhà truyền giáo.

- Vận động cải tiến phong tục tập quán.

3/ Đồng hóa nhân chủng

Việc này tự nhiên sẽ đến sau việc đồng hóa ngôn ngữ và đồng hóa sinh hoạt. Tuy chậm nhưng mang lại nhiều kết quả trên đường đồng hóa dân tộc. Khi Kinh cũng như Thượng đều nói một thứ tiếng, đều

có một lối sinh hoạt như nhau, không có sự phân biệt nữa thì sự kết hôn giữa thanh niên nam nữ Kinh Thượng sẽ không tránh được. Nếu được theo dõi khuyến khích thì sự đồng hóa nhân chủng sẽ thực hiện nhanh chóng hơn¹.

Mặc dù đây chưa phải là văn kiện chính thức của nhà nước nhưng qua đó cho thấy, chính sách đồng hóa, thực chất là Kinh hóa được tiến hành trên các phương diện ngôn ngữ, giáo dục, văn hóa và nhân chủng và trên thực tế chính sách này đã được triển khai trong quá trình thực hiện.

Thực hiện chính sách nêu trên, Giám đốc Nha công tác xã hội miền Thượng kính gửi ông Bộ trưởng tại Phủ Tổng thống đề nghị ông Bộ trưởng chỉ thị cho các tỉnh:

1/Khuyến khích đồng bào Thượng ăn mặc như đồng bào Kinh.

2/Cấm dùng hủn việc dùng y phục cổ xưa và hở hang trong các cuộc nghênh đón cũng như các dịp tiếp xúc chính thức với các quan khách trong nước và ngoại quốc...

Đồng thời bắt buộc các chủ làng và phó chủ làng khi đi họp tại tỉnh hay quận phải bận quốc phục (dù là quần áo ngắn) để làm gương cho dân làng.

Song song với công tác đó, những đoàn tiếp đón lưu động của Nha công tác xã hội miền Thượng sẽ giữ nhiệm vụ bán quần áo với giá rẻ cho đồng bào Thượng.

Như vậy, Nha chúng tôi tin tưởng đồng bào Thượng sẽ sớm dùng quần áo như người Kinh và dần dần bỏ hẳn lối đóng khố, quần vải hở hang².

Thực hiện chính sách trên, Bộ trưởng tại Phủ Tổng thống có công văn gửi các tỉnh trưởng về việc phục sức của đồng bào Thượng trong đó nêu rõ: "Nhu quý ông đã biết, đồng bào Thượng thường ăn mặc hở hang, không được lịch sự. Tổng thống đã

¹ Phiếu tóm trình. Ông Giám đốc Nha công tác xã hội miền Thượng trình bản dự thảo: "Kế hoạch đồng hóa Kinh Thượng".

² Giám đốc Nha công tác xã hội miền Thượng, *Kính gửi Bộ trưởng Phủ Tổng thống v/v khuyến khích đồng bào Thượng ăn mặc quốc phục*, Đà Lạt ngày 23/01/1958.

chỉ thị cho Trường Mỹ thuật nghiên cứu kiểu áo xống cho người Chăm, người Thượng, lựa một vài kiểu thông dụng và đẹp rồi tổ chức một số cơ sở dệt quần áo bán rẻ cho họ dùng, đồng thời bảo tồn dấu tích của họ. Trong khi chờ đợi kết quả nghiên cứu này, tôi trân trọng yêu cầu quý tòa hãy khéo léo khuyên đồng bào Thượng ăn mặc chỉnh tề hơn”³.

Thực hiện chỉ thị trên Đồng lý văn phòng Bộ trưởng tại Phủ Tổng thống gửi ông Đồng lý văn phòng Bộ Quốc gia Giáo dục về việc tổ chức một số cơ sở dệt bán áo xống cho đồng bào Thượng và nhắc ông Giám đốc Trường Kỹ thuật thi hành và phúc trình Tổng thống⁴. Thực hiện chỉ thị của Phủ Tổng thống, các địa phương đã thi hành chủ trương trên và báo cáo kết quả thực hiện. Công văn Tỉnh trưởng tỉnh Khánh Hòa đã gửi ông Bộ trưởng tại Phủ Tổng thống đã thông báo: “... Hiện nay đồng bào Thượng tỉnh Khánh Hòa không còn ăn mặc hở hang như trước nữa: đàn ông thì mặc áo bà ba, đàn bà thì áo cụt hoặc áo dài với quần dài theo kiểu người Kinh. Có nơi thì đàn bà mặc chần (váy) như đàn bà thôn quê miền Bắc. Cũng có nơi thanh niên cũng biết áo chemise và quần âu. Nay nghiên cứu áo quần bán cho họ thì phải làm thế nào cho rẻ, để khuyến khích họ mua dùng: ví dụ một cái áo độ 30đ và một cái quần 15đ thôi”⁵.

Ở Đắc Lắc có đa số người Ê đê sinh sống, tỉnh trưởng đã bắt người dân muốn vào thành phố phải bận quần dài, áo sơ mi, trang phục như người Việt. Các nhân sĩ Thượng chính quyền bắt phải mặc khăn đóng, áo dài như quan chức người Việt. Ở Pleiku, người Gia rai phải cất nhà trệt như người Kinh, không được làm nhà sàn trên cột gỗ hay cột tre.

Đặc biệt, chính quyền Diệm bắt đổi tên địa danh Thượng thành địa danh Việt, bãi bỏ tên cũ cổ truyền của các địa phương Tây Nguyên mang những địa danh mới theo bảng dưới đây:

Bảng 17. Thống kê địa danh truyền thống và địa danh theo cách gọi mới của các địa phương ở Tây Nguyên

STT	Tên tỉnh thời TT Diệm	Địa danh Thượng cổ truyền	Địa danh theo cách gọi mới
1	Đăk Lăk	Quận Lăk Quận Cư Ewi Trại Krong Knô	Quận Lạc Thiện Quận Phước An Trại An Lạc
2	Pleiku	Quận Pleiku Quận An Khê Quận Cư Ty Quận Plei kly	Quận Lệ Trung Quận An Túc Quận Lệ Thanh Quận Phú Nhân
3	Lâm Đồng	Quận Đồng Nai Quận Djiring Quận Blao	Tỉnh Lâm Đồng Quận Di Linh Quận Bảo Lộc
4	Phú Bổn	Tỉnh Cheo Reo Quận Yasol Quận Kalui Quận Buôn Bleo	Tỉnh Phú Bổn Quận Phú Thiện Quận Phú Túc Quận Thuận Mẫn
5	Tuyên Đức	Tỉnh Lang biang Quận Fian Quận Dran	Tỉnh Tuyên Đức Quận Đức Trọng Quận Đơn Dương

(Nguồn: Lê Ngọc Thắng, Chính sách dân tộc của Đảng và nhà nước Việt Nam, 2005, tr. 129)

Việc chính quyền khuyến khích người Thượng tiếp xúc và cư trú gần gũi và xen kẽ với người Kinh trong các khu dinh điền, một mặt nhằm tạo điều kiện cho người Thượng học hỏi người Kinh cách thức làm ăn, học tiếng Kinh để tiếp thu văn hóa mới tiến bộ, mặt khác chính sách này trong điều kiện chưa có sự chuẩn bị về mọi mặt dễ gây nên cú sốc tâm lý đối với người Thượng dẫn đến mâu thuẫn Kinh - Thượng khi mà sự khác biệt văn hóa còn khá lớn kể cả những vấn đề kinh tế-xã hội khác. Cách làm nóng vội này dẫn đến không gian sinh tồn, không gian văn hóa xã hội truyền

³ Tổng thống phủ, Số 515/BTTTT/VP, Trích yếu: V/v phục sức của đồng bào Thượng, Sài Gòn ngày 28 tháng 2 năm 1958.

⁴ Đồng lý văn phòng bộ trưởng tại Phủ Tổng thống, Kính gửi Ông Đồng lý văn phòng Bộ Quốc gia Giáo dục, Sài Gòn ngày 7 tháng 4 năm 1958.

⁵ Tỉnh Khánh Hòa, số 1116 VP, Tỉnh Trưởng Khánh Hòa gửi Ông Bộ trưởng tại Phủ Tổng thống, Nha trang ngày 7 tháng 5 năm 1958.

thống của người Thượng bị phá vỡ là nguy cơ dẫn đến sự đồng hóa văn hóa và đứt đoạn văn hóa với truyền thống của người Thượng.

Về đời sống văn hóa của cộng đồng người Thượng, chính quyền chủ trương khuyến khích, giúp đỡ đồng bào Thượng cải tiến cách sống (nhà cửa, quần áo, vệ sinh phòng bệnh), cách canh tác (dùng cày, bừa, dùng phân bón, v.v...), cách chăn nuôi súc vật nhằm nâng cao đời sống văn hóa của người dân. Tuy nhiên, đây là công việc phải tiến hành lâu dài với sự vận động giáo dục, thuyết phục để người dân hiểu và làm theo, chứ không thể áp đặt, mệnh lệnh thì hậu quả lại trái với sự mong đợi.

Nhìn chung, với tham vọng là muốn thay đổi nhanh chóng đời sống văn hóa của người Thượng hội nhập với văn minh mới, chính quyền Ngô Đình Diệm đã có những biện pháp cứng rắn, nóng vội không chú ý đến những điều kiện và hoàn cảnh sống cũng như bản sắc văn hoá của đồng bào Thượng dẫn đến những hậu quả ngược lại không được sự ủng hộ của đồng bào và trí thức nhân sĩ người Thượng nên hiệu quả của chính sách mang lại là rất thấp.

2. Chính sách văn hóa dưới thời Đệ Nhị Cộng Hòa (1964-1975)

Dưới thời kỳ Đệ Nhị Cộng Hòa rút kinh nghiệm của thời kỳ trước chính quyền ngày một hoàn thiện chính sách phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên, khắc phục những sai lầm trước đó.

Thế theo nguyện vọng của Đại hội các sắc tộc Thượng tại Pleiku ngày 17/10/1964 đệ trình chính phủ trong đó có yêu cầu: Tôn trọng phong tục tập quán của đồng bào Thượng, nếu có sự thay đổi nào đó trong phong tục tập quán thì do chính đồng bào Thượng quyết định. Ngay trong Đại hội Trung tướng-Thủ tướng Nguyễn Khánh đã tuyên đọc thông điệp có: Tôn trọng phong tục tập quán của đồng bào Thượng. Tiếp theo đến Hiến pháp VNCH năm 1967 ghi rõ: “*Quốc gia tôn trọng phong tục tập quán của đồng bào thiểu số và có một đạo luật sẽ quy định những quyền lợi đặc biệt để nâng đỡ đồng*

bào thiểu số”⁶. Nhân ngày Giỗ Tổ Hùng Vương 19/4/1967 Thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ Chủ tịch Ủy ban hành pháp Trung ương đã công bố trước quốc dân Tuyên cáo của chính phủ VNCH công bố đường lối và chính sách đại đoàn kết dân tộc với ba nguyên lý: *dân tộc, dân hòa, dân tiến* trong đó đề cập tới nếp sống hòa nhi bất đồng, chấp nhận sự khác biệt về văn hóa của các dân tộc thiểu số trong sự thống nhất của văn hóa Việt Nam khác với chủ trương đồng hóa văn hóa trước đây của chính quyền Ngô Đình Diệm. Đặc biệt, trong *Sắc luật 033/67 ban hành quy chế riêng biệt cho đồng bào thiểu số* có đề nghị chính phủ thành lập Viện bảo tàng Nhân chủng để bảo vệ và phát triển nền văn minh cổ của các dân tộc thiểu số và thành lập Viện nghiên cứu các sắc tộc để giúp đỡ chính phủ thiết lập các kế hoạch phát triển đời sống đồng bào thiểu số⁷.

Năm 1972 Hội đồng văn hóa giáo dục đã xây dựng Dự án: “*Chánh sách văn hóa giáo dục*” và dựa vào Dự án này Bộ Giáo dục và Văn phòng Quốc vụ khanh đã xây dựng Dự luật căn bản về văn hóa giáo dục và được Tổng thống VNCH ban hành năm 1973 và đưa chánh sách văn hóa giáo dục lên hàng quốc sách.

Nội dung chánh sách văn hóa giáo dục gồm có ba phần:

- *Phần thứ nhất*: Chính sách văn hóa giáo dục trong chánh sách chung của quốc gia
- *Phần thứ hai*: chánh sách văn hóa
- *Phần thứ ba*: chánh sách giáo dục

Trong phần thứ nhất nhấn mạnh tầm quan trọng của chánh sách văn hóa giáo dục, đồng thời nêu rõ tác động và mối quan hệ qua lại giữa văn hóa và giáo dục.

Điều 1: Công cuộc bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc, thái độ và đồng hóa những tinh hoa của các nền văn minh thế giới cũng như công cuộc kiện toàn học chánh và canh tân giáo dục nhằm phục vụ

⁶ Paul Nư, 1966, *Về chính sách Thượng vụ trong lịch sử*, tr.125.

⁷ Sắc luật 033/67 ban hành qui chế riêng biệt dành cho đồng bào thiểu số, Điều 7.

cho con người và cộng đồng là một sứ mạng của quốc gia. Sứ mạng này phải được hướng dẫn bởi một chánh sách trường kỳ, toàn diện, thực tiễn và liên tục.

Điều 2: Vì văn hóa và giáo dục có tác dụng và ảnh hưởng hỗ tương nên giới hữu trách về văn hóa phải tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển giáo dục và giới hữu trách của giáo dục phải góp phần vào công cuộc xây dựng một nền văn hóa theo đà tiến bộ của cộng đồng quốc gia và thế giới.

Điều 3: Chánh sách văn hóa giáo dục phải được quan niệm và thực thi trong khuôn khổ chánh sách chung của quốc gia.

Văn hóa, giáo dục chỉ phát triển sâu xa và mạnh mẽ trong môi trường chánh trị, kinh tế và xã hội thuận lợi, do chánh sách văn hóa, giáo dục tích cực góp phần tạo dựng.

Điều 4: Chánh sách văn hóa, giáo dục mà những điểm căn bản được ấn định trong luật này là quốc sách, đòi hỏi sự thực thi của chánh quyền, sự tham gia tích cực của toàn dân.

Điều 5: Chánh sách văn hóa, giáo dục phải bảo vệ các tự do cơ bản của con người và đồng thời đáp ứng các nhu cầu tiến bộ của xã hội.

Điều 6: Luật căn bản về văn hóa giáo dục được quy định trong những tôn chỉ: **Nhân bản, Dân tộc, Khai phóng.**

- Nhân bản: lấy con người làm cứu cánh, tôn trọng những giá trị thiêng liêng của con người, chú trọng sự phát triển quân bình và toàn diện của mỗi người và mọi người.

- Dân tộc: Biểu hiện và phát huy tinh thần dân tộc, các truyền thống tốt đẹp và các giá trị đặc thù của dân tộc, nhằm bảo đảm sự đoàn kết và trường tồn của dân tộc cũng như sự phát triển điều hòa và toàn diện của quốc gia.

- Khai phóng: luôn luôn hướng tới sự tiến bộ, tôn trọng tinh thần khoa học, rộng rãi đón nhận những tinh hoa văn hóa thế giới, tích cực đóng góp vào sự cảm thông và hợp tác giữa các dân tộc cũng như sự thăng tiến nhân loại trong hòa bình và tự do.

Trong Chánh sách văn hóa bao gồm 5 chương giới thiệu toàn bộ nội dung chánh sách văn hóa trên tất cả các mặt hoạt động.

Ở Chương I: Điều khoản cơ bản

Điều 9: Việt Nam Cộng Hòa không chủ trương một chánh sách văn hóa chỉ huy, trái lại chủ trương một chánh sách văn hóa tự do khả dĩ bảo đảm tự do chánh đáng trong sinh hoạt văn hóa và tạo điều kiện thuận lợi tối đa để chánh quyền và mọi người tham gia việc phát triển văn hóa.

Điều 10: Chánh sách văn hóa Việt Nam nhằm đạt tới những mục tiêu sau đây:

1/Bảo tồn và phát huy gia tài văn hóa vật chất và tinh thần của dân tộc, trong sự tôn trọng các sắc thái đặc thù của địa phương và sắc tộc, theo quan niệm *thống nhất trong dị biệt*, để đóng góp vào sự tiến bộ văn hóa chung của nhân loại;

2/Khuyến khích, yểm trợ giáo dục để mọi thành phần xã hội vừa thăng tiến nhờ hưởng thụ tối đa mọi giá trị văn hóa, vừa đóng góp hữu hiệu vào công cuộc xây dựng văn hóa;

3/Phổ biến văn hóa Việt Nam trong phạm vi quốc tế và thu nhận tinh hoa văn hóa ngoại quốc, phát triển sự cảm thông và hợp tác quốc tế;

4/Phát huy tinh thần khoa học và khuyến khích sự nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật để phát triển quốc gia;

5/Xây dựng một xã hội tự do, dân chủ và công bằng.

Từ những điều khoản cơ bản các chương sau thể hiện các nội dung cụ thể của chính sách văn hóa như việc: Chánh quyền có trách nhiệm bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc gồm các gia tài vật chất và gia tài tinh thần (Điều 11). Các điều khoản từ điều 12 đến 20 chi tiết hóa các nhiệm vụ của các cơ quan trong việc bảo tồn và phát huy văn hóa trong các lĩnh vực cụ thể. Trong điều 15 đề cập đến việc thiết lập thêm Bảo tàng Nhân chủng và Dân tộc học nhằm bảo tồn văn hóa các dân tộc thiểu số trong đó có các dân tộc thiểu số Tây Nguyên.

Trong **Chương III**: Các định chế văn hóa có quy định chức năng và nhiệm vụ của các cơ quan như Hàn lâm viện, Hội đồng quốc gia khảo cứu khoa học trong việc khảo cứu, phát huy và phổ biến văn hóa một cách hữu hiệu. Riêng điều 27 quy định nhiệm vụ của Viện nghiên cứu Dân tộc học:

1/Sưu tầm nghiên cứu về nhân chủng hình thể, phong tục, tập quán, ngôn ngữ, tôn giáo, văn chương, âm nhạc, vũ điệu, các loại dụng cụ và phương tiện sinh hoạt... của tất cả các sắc tộc ở Việt Nam, tại lân quốc hay tại các quốc gia có ảnh hưởng đến nền văn hóa Việt Nam.

2/Xuất bản các công trình khảo cứu về dân tộc học.

3/Phối hợp với Viện bảo tàng Nhân chủng để khai thác các tài liệu liên quan tới các sắc tộc Việt Nam.

Chương IV: Khuyến khích và yểm trợ sinh hoạt văn hóa trong đó đề xuất các giải pháp nhằm phát triển sinh hoạt văn hóa trong các lĩnh vực: nghiên cứu, bảo tồn, phát huy, phổ biến và sáng tạo văn hóa.

Chương V: Phổ biến văn hóa đề cập đến các cơ quan hữu quan có nhiệm vụ phổ biến và trao đổi văn hóa trong nước và nước ngoài. Năm 1974, Hội đồng các sắc tộc đã xây dựng một dự án: Chánh sách sắc tộc trong đó dành riêng chương IV về chánh sách văn hóa nêu những nguyên tắc chung và chính sách cụ thể về bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc thiểu số. Khác với dự luật căn bản về văn hóa giáo dục mang tính quốc gia, dự án này dành riêng cho văn hóa các dân tộc thiểu số.

Về quan điểm, chính quyền thừa nhận, mỗi dân tộc thiểu số trong quá trình lịch sử đã sáng tạo nên một nền văn hóa riêng, có một hệ thống giá trị, một di sản tinh thần và vật chất mang bản sắc riêng làm phong phú thêm nền văn hóa Việt Nam nói chung: *“Tùy theo môi trường sanh sống, mỗi sắc tộc thiểu số đều có một lề lối sinh hoạt, một hệ thống giá trị, một di sản tinh thần, vật chất tích lũy trong quá khứ từ đời này sang đời khác, qua các giai đoạn, cấu*

tạo thành nền văn hóa với những màu sắc riêng biệt làm phong phú thêm nền văn hóa Việt Nam nói chung.

Sự hợp nhứt cần thiết giữa các sắc tộc vì lý do sanh tồn trong cộng đồng Việt Nam đưa đến nhu cầu bảo tồn và phát huy văn hóa sắc tộc thiểu số”⁸. Dự án nhấn mạnh tới công tác bảo tồn và phát huy văn hóa vật chất và tinh thần của các dân tộc thiểu số là nhiệm vụ của các cơ quan hữu quan: *“Việc bảo tồn văn hóa sắc tộc thiểu số bao gồm cả cơ sở vật chất do những công trình thiên nhiên hoặc do con người sáng tạo ra và cơ sở tinh thần như phong tục tập quán cổ truyền, các môn nghệ thuật, ngôn ngữ văn chương sắc tộc”⁹.*

Có thể nhận thấy rằng, chính sách văn hóa của chính quyền Đệ Nhị Cộng Hòa có nhiều ưu điểm và tiến bộ khi coi văn hóa các dân tộc thiểu số là những nền văn hóa có giá trị và bản sắc riêng làm phong phú thêm nền văn hóa cộng đồng dân tộc Việt Nam. Chính quyền đặt ra nhiệm vụ là phải bảo tồn và phát huy văn hóa các dân tộc thiểu số không chỉ trong công tác nghiên cứu, phổ biến mà phải tổ chức cho người dân sinh hoạt văn hóa trong đời sống hàng ngày của cộng đồng. Chính sách văn hóa về các dân tộc thiểu số của chính quyền đương thời đã tiếp cận được các lý thuyết hiện thời và đề ra các giải pháp bảo tồn và phát triển văn hóa mang tính thực tiễn.

Rất tiếc là chính sách này trong bối cảnh đất nước có chiến tranh, thiếu những điều kiện vốn có để thực thi một cách có hiệu quả.

Trong quá trình thực hiện chính sách văn hóa nêu trên, chính quyền Đệ Nhị Việt Nam Cộng Hòa từ những năm 1964 đến 1975 đã có những hoạt

⁸ Dự án Chánh sách văn hóa giáo dục.

⁹ Dự luật căn bản về văn hóa giáo dục. Bộ Giáo dục và Văn phòng Quốc vụ khanh Đặc trách văn hóa, 1973.

Dự án đề cập tới sự phát triển sinh hoạt văn hóa các dân tộc thiểu số là nhiệm vụ của giới văn hóa tư nhân và chính quyền bằng cách khuyến khích, hỗ trợ công tác nghiên cứu, tổ chức sinh hoạt, phổ biến trên các phương tiện truyền thông và dành một phần ngân sách cần thiết để phát huy văn hóa.

động cụ thể nhằm bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số trong đời sống sinh hoạt hàng ngày.

Năm 1965 dự án tổ chức triển lãm văn minh Thượng được xây dựng do Nha đặc trách Thượng vụ thực hiện vào năm 1966. Mục đích của dự án là giới thiệu những tinh hoa của một nền văn minh cổ có giá trị rất lớn trong phạm vi sinh hoạt của các dân tộc Thượng trên ba lĩnh vực: văn hóa, nghệ thuật và nếp sống; sự phát triển của văn hóa các dân tộc Thượng trong đà tiến hóa chung của dân tộc trên các khía cạnh đời sống vật chất cũng như tinh thần trong sự hòa đồng của hai nền văn minh Kinh - Thượng.

Cuộc triển lãm văn minh Thượng được trình bày theo những tiêu chuẩn: 1. Mang đầy đủ tính chất và đặc điểm của nền văn minh Thượng; 2. Hệ thống hóa nền văn minh đó bằng nghệ thuật, hội họa, hình ảnh, chữ viết của mỗi dân tộc; 3. Có đầy đủ các dữ kiện chứng minh sự tiến triển về hai bình diện tinh thần và nếp sống. Nội dung của cuộc triển lãm khai thác ba chủ đề: văn hóa, nghệ thuật, nếp sống như: ngôn ngữ, chữ viết, dân ca; kiến trúc, nhà ở, điều khắc, trang phục, nhạc cụ, các điệu vũ; phong tục, tập quán, sự tiến triển của nền văn minh Thượng và sự trưởng thành của xã hội Thượng.

Các nội dung trên được trình bày qua các tác phẩm văn chương, hình ảnh, họa phẩm, các điệu vũ lời ca, trong gia đình hay trong các hội hè, tế lễ, v.v...

Cuộc triển lãm này do Nha đặc trách Thượng vụ thực hiện tại thủ đô vào nửa sau năm 1966¹⁰. Để góp phần bảo tồn văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên, năm 1971, Bộ Phát triển sắc tộc đã có phiếu trình ông Tổng trưởng phát triển sắc tộc về việc xin thành lập Bảo tàng sắc tộc tại Đà Lạt nhằm lưu giữ các kỷ vật của đồng bào có từ ngàn xưa về các phương diện: điêu khắc, chạm trổ, nhà cửa, trang phục, các dụng cụ canh tác, các nghề thủ

công, dụng cụ săn bắn, đánh cá, dệt vải, v.v... Mặt khác, bảo tàng còn là nơi giới thiệu với quốc tế văn hóa riêng biệt của đồng bào các dân tộc, đồng thời cũng là nơi sưu tầm, nghiên cứu văn hóa các dân tộc phục vụ du lịch trong và ngoài nước. Vào ngày 14/3/1973, ông Tổng trưởng Phát triển sắc tộc đã trình dự án Kế hoạch tổ chức đại hội văn hóa sắc tộc tại Trung tâm nghiên cứu sắc tộc Đà Lạt¹¹.

Mục đích của đại hội nêu rõ là giới thiệu vai trò của Trung tâm nghiên cứu sắc tộc trong công cuộc đóng góp và phát huy văn hóa dân tộc Việt Nam; lôi cuốn thành phần du lịch trên cao nguyên đóng góp phần nào vào ngành du lịch nước nhà; tìm kiếm phương thức nghiên cứu mới mẻ, thực tế và hữu hiệu để giúp chính phủ thiết lập các chương trình, kế hoạch phát triển đời sống đồng bào các sắc tộc.

Chương trình của dự án bao gồm các hoạt động chính:

- Lễ khánh thành Trung tâm nghiên cứu sắc tộc Đà Lạt
- Triển lãm văn hóa sắc tộc
- Hội thảo về công cuộc nghiên cứu sắc tộc tại Việt Nam

Đại hội dự trù tổ chức vào hạ tuần tháng 4 từ 28/4 đến 4/5/1973 tại Đà Lạt. Tham gia đại hội có các phái đoàn của chính phủ, quốc hội, ngoại giao đoàn, các vị quan khách Việt và quốc tế, các nghị sĩ, dân biểu sắc tộc, các đại diện đoàn thể, hội đoàn liên quan đến sắc tộc, v.v...

Cùng với việc bảo tồn và phát triển văn hoá, các dân tộc thiểu số cũng đã tiếp thu văn hoá của người Kinh cùng sống cộng cư, tiếp nhận văn hoá thể giới qua các phương tiện thông tin đại chúng và qua các tôn giáo như Công giáo và đặc biệt là đạo Tin Lành. Việc tiếp thu văn hóa Kinh và thể giới trong đời sống văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên là khác nhau về cường độ và quy mô ở các vùng thành thị, nông thôn gần đường giao thông và vùng sâu,

¹⁰ Dự án tổ chức triển lãm văn minh Thượng năm 1966, do Phủ chủ tịch Ủy ban hành pháp Trung ương ban hành ngày 12/8/1965.

¹¹ Bộ Phát triển sắc tộc, Dự án kế hoạch tổ chức đại hội văn hóa sắc tộc tại Trung tâm nghiên cứu sắc tộc Đà Lạt do Tổng trưởng ký ngày 14/3/1973.

vùng xa; cũng có sự khác nhau giữa vùng do chính quyền VNCH kiểm soát và vùng chịu ảnh hưởng của lực lượng cách mạng.

Công tác thông tin tuyên truyền đối với đồng bào dân tộc trên cao nguyên cũng được chính phủ ngày một quan tâm. Một khó khăn lớn cho công tác thông tin tuyên truyền là đồng bào dân tộc cư trú rải rác, có những nơi xa xôi, hẻo lánh đi lại khó khăn. Vì vậy việc cung ứng dịch vụ thông tin tuyên truyền đến tận buôn làng là việc làm gặp không ít trở ngại.

Để thông tin đến tận người dân, công tác tuyên truyền diễn ra dưới nhiều hình thức: phát thanh, báo chí, sách vở, panô, truyền đơn, biểu ngữ, vô tuyến truyền hình, phim, hình ảnh, họa phẩm và những cuộc thăm viếng giao lưu văn hóa Kinh-Thượng.

Phát thanh là phương tiện thông tin nhanh chóng nhất và được ưa chuộng nhất. Đối với đồng bào dân tộc, chương trình phát thanh mang lại hiệu quả cao vì bằng âm thanh dễ truyền cảm. Với hình thức này, người dân vừa làm việc nhưng vẫn nghe được. Đối với số đông người mù chữ họ vẫn tiếp nhận được thông tin mang lại nhưng ít tốn kém. Đài vô tuyến truyền thanh Sài Gòn dành 20 phút vào ngày chủ nhật từ 7h30 đến 8 giờ sáng do Phủ đặc ủy Thượng vụ sau này là Bộ Phát triển sắc tộc phụ trách. Ngoài ra còn có những chương trình thường xuyên xen lẫn phát tin tức hàng ngày đề cập đến chính sách nâng đỡ đồng bào thiểu số của chính phủ. Đài phát thanh Buôn Mê Thuật và Đà Lạt phát thanh 5 giờ mỗi ngày bằng tiếng dân tộc. Đài Quảng Ngãi mỗi tuần 30 phút phát vào tối thứ bảy do Ty Thượng vụ Quảng Ngãi phụ trách. Đài Quy Nhơn, Tuy Hoà, Huế ít nhiều cũng có đề cập đến các thông tin liên quan đến ngành Thượng vụ.

Chính quyền VNCH có khá nhiều báo chí của chính quyền cũng như tư nhân nhưng số lượng còn ít, và công tác phát hành đến tận tay người dân gặp nhiều khó khăn và hạn chế. Đó là các xuất bản phẩm như tuần báo, bản tin địa phương do các Ty thông tin các tỉnh cao nguyên thực hiện. Riêng Phủ Đặc ủy Thượng vụ đã ấn loát được: 5 số Nguyệt san

Thượng vụ, 3 loại bích chương, 7 loại truyền đơn, bản thông tin Thượng vụ vào ngày 15 và ngày mùng 1 mỗi tháng. Ngoài ra, các sách nghiên cứu và sách phổ thông giới thiệu, nghiên cứu về các dân tộc thiểu số Tây Nguyên cũng được ấn hành nhằm phổ biến chính sách Thượng vụ của chính phủ và những thành tích đạt được, phát huy văn hoá Kinh - Thượng trong các lĩnh vực sinh hoạt văn hóa hàng ngày nhằm củng cố mối đoàn kết Kinh - Thượng trên cao nguyên. Nhưng phải thành khẩn nói rằng, những cuốn sách đó chưa được phổ cập đến quảng đại quần chúng vì do sự nhận thức và hiểu biết của người dân còn hạn chế, khi mà đời sống vật chất và tinh thần của người dân còn gặp nhiều khó khăn.

Vô tuyến truyền hình là phương tiện tuyên truyền có hiệu quả, nhưng rất tiếc là người dân còn nghèo đói chưa đủ cơm ăn, áo mặc nên phương tiện này chỉ có ở một số công chức và người dân giàu có, đại đa số đồng bào chưa tiếp cận thông tin từ phương tiện này.

Ngoài các phương tiện thông tin kể trên, việc trao đổi thăm viếng của các phái đoàn Kinh - Thượng xuống đồng bằng và lên cao nguyên cũng được tổ chức. Đó là các đoàn sinh viên nha khoa, y khoa thăm viếng đồng bào nhằm tìm hiểu đời sống và sinh hoạt của đồng bào thiểu số, nhu cầu và nguyện vọng của họ để gia tăng thêm sự giúp đỡ có hiệu quả qua công tác xã hội và y tế. Các phái đoàn nhân sĩ, trí thức Thượng được Bộ Phát triển sắc tộc tổ chức về thăm viếng thủ đô vào các dịp lễ quốc khánh nhằm thắt chặt mối tình đoàn kết Kinh - Thượng.

Nhận xét chung

Qua hai thập kỷ, chính sách văn hóa thời kỳ Đệ Nhất Cộng Hòa và Đệ Nhị Cộng Hòa cũng có sự khác biệt. Nếu như chính quyền Ngô Đình Diệm thực hiện chính sách đồng hoá ít nhiều làm mai một văn hóa truyền thống các dân tộc, gây nên sự phản ứng của trí thức và đồng bào các dân tộc đẩy lên phong trào chống lại chính quyền gây bất ổn chính trị trên cao nguyên. Trái lại, chính quyền Đệ Nhị

Cộng Hòa chấp nhận sự thống nhất trong dị biệt, tôn trọng văn hóa các dân tộc thiểu số nhất là những giá trị và bản sắc văn hóa truyền thống của họ và có những biện pháp thiết thực nhằm bảo tồn và phát huy vốn văn hóa dân tộc. Đây là nhân tố tích cực đáng được ghi nhận. Tuy nhiên, do hoàn cảnh chiến tranh trên cao nguyên diễn ra khốc liệt, những điều kiện tài lực, nhân lực chưa có đủ để thực thi nên

hiệu quả trên thực tế của chính sách này còn hết sức hạn chế. Nhưng những ưu điểm của chính sách văn hóa của chính quyền Đệ Nhị Cộng Hòa thể hiện qua văn bản rất đáng được quan tâm. Chính sách văn hóa đối với các dân tộc thiểu số Tây Nguyên trải qua hai thời kỳ đã để lại những bài học kinh nghiệm lịch sử cho việc xây dựng chính sách và thực thi chính sách văn hóa hiện nay ở Việt Nam.

(Nghiên cứu này thuộc nội dung đề tài trọng điểm: “Chính sách dân tộc của chính quyền Việt Nam Cộng Hòa và tác động của nó đối với vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc ở Tây Nguyên (1954 - 1975)”, nghiệm thu năm 2012, mã số: B2011-18b-01TĐ được tài trợ bởi Đại học Quốc gia - Hồ Chí Minh.)

The Republic Government of Vietnam’s culture policy on the Highland Minority Ethnic Groups (1954-1975)

- **Nguyen Van Tiep**

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT:

Due to the important strategic political and military standing, during the First Republic Government and the Second Republic Government of Vietnam, the ethnicity policy on Highland minority ethnic groups was promulgated by the republic government of Vietnam. In general, the two Republic Governments of Vietnam paid attention to cultural policy, but the First Republic Government’s ethnicity policy was different from the Second Republic Government’s one.

The First Republic Government executed policy of assimilation whereas the Second Republic Government carried out policy respecting minority ethnics’ culture with the perspective “homogeneousness and particularity”. This policy exerted remarkable influences on the minority ethnic groups’ cultural life that left a lot of experiences in developing minority ethnic groups’ culture nowadays.

Keywords: *The First Republic Government, the Second Republic Government, Ngo Dinh Diem, Nguyen Van Thieu*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Giám đốc Nha công tác xã hội miền Thượng, *Phiếu tóm trình bản dự thảo: "Kế hoạch đồng hóa Kinh Thượng"*.
- [2]. Giám đốc Nha công tác xã hội miền Thượng. Kính gửi Bộ trưởng Phủ Tổng thống (23/01/1958), *Về việc khuyến khích đồng bào Thượng ăn mặc quốc phục*, Đà Lạt.
- [3]. Tổng thống phủ (28/2/1958), *Số 515/BTTP/VP, Trích yếu V/v phục sức của đồng bào Thượng*, Sài Gòn.
- [4]. Đồng lý văn phòng bộ trưởng tại Phủ Tổng thống (7/4/1958), *Kính gửi Ông Đồng lý văn phòng Bộ Quốc gia Giáo dục*, Sài Gòn.
- [5]. Tỉnh Khánh Hòa (1858), *Số 1116 VP. Tỉnh Trưởng Khánh Hòa gửi Ông Bộ trưởng tại Phủ Tổng thống*, Nha Trang.
- [6]. Lê Ngọc Thắng (2005), *Chính sách dân tộc của Đảng và nhà nước Việt Nam*.
- [7]. Paul Nur (1966), *Về chính sách Thượng vụ trong lịch sử*.
- [8]. Sắc luật 033/67 ban hành quy chế riêng biệt cho đồng bào thiểu số
- [9]. Dự án: "*Chánh sách văn hóa giáo dục*"
- [10]. Bộ Giáo dục và Văn phòng Quốc vụ khanh Đặc trách văn hóa (1973), *Dự luật căn bản về văn hóa giáo dục*.
- [11]. Phủ chủ tịch Ủy ban hành pháp Trung ương (12/8/1965), *Dự án Tổ chức triển lãm văn minh Thượng năm 1966*.
- [12]. Bộ Phát triển sắc tộc (14/3/1973), *Dự án kế hoạch tổ chức đại hội văn hóa sắc tộc*, Trung tâm nghiên cứu sắc tộc Đà Lạt.